

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

Mẫu 5

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: Ngôn Ngữ Anh
Mã số: 52.22.02.01

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-ĐHSG-ĐT
ngày tháng năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2016

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

Mẫu 5

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: Ngôn Ngữ Anh
Mã số: 52.22.02.01

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-ĐHSG-ĐT
ngày tháng năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2016

MỤC LỤC

PHẦN 1 MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA.....	4
1.1. Mục tiêu chung.....	4
1.2. Mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra	4
1.2.1. Yêu cầu về kiến thức	4
1.2.2. Yêu cầu về kỹ năng.....	4
1.2.3. Yêu cầu về thái độ.....	5
1.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp.....	5
1.4. Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp.....	5
1.5. Các chương trình đã tham khảo.....	5
1.5.1. Các chương trình trong nước	5
1.5.2. Các chương trình nước ngoài	5
PHẦN 2 NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	6
2.1. Khái quát chương trình đào tạo	6
2.1.1. Đối tượng tuyển sinh và thời gian đào tạo	6
2.1.2. Cấu trúc chung của chương trình đào tạo	6
2.1.3. Điều kiện tốt nghiệp	6
2.2. Khung chương trình đào tạo	7
2.3. Cơ cấu các học phần của khối kiến thức chuyên ngành (không có)	9
2.4. Kế hoạch đào tạo theo tiến độ	9
PHẦN 3 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN	12
TIẾNG TRUNG 1	13
TIẾNG TRUNG 2	16
TIẾNG TRUNG 3	19
TIẾNG PHÁP 1.....	22
TIẾNG PHÁP 2.....	26
TIẾNG PHÁP 3.....	30
LUYỆN ÂM	34
NGỮ ÂM – ÂM VỊ HỌC.....	38
NGỮ PHÁP	42
HÌNH THÁI – CÚ PHÁP HỌC	46
NGỮ NGHĨA HỌC	50
PHÂN TÍCH DIỄN NGÔN.....	54
NGÔN NGỮ XÃ HỘI HỌC	57
NGÔN NGỮ HỌC SO SÁNH ĐỐI CHIẾU	62

NGŨ DỤNG HỌC	65
NGŨ PHÁP CHÚC NĂNG	69
THƯỜNG THỨC ÂM NHẠC.....	72
ĐẤT NƯỚC HỌC ANH	75
ĐẤT NƯỚC HỌC MỸ.....	79
KỸ NĂNG NGHE 1	83
KỸ NĂNG NGHE 2	87
KỸ NĂNG NGHE 3	91
KỸ NĂNG NÓI 1	96
KỸ NĂNG NÓI 2	100
KỸ NĂNG NÓI 3	105
KỸ NĂNG ĐỌC 1	108
KỸ NĂNG ĐỌC 2	115
KỸ NĂNG ĐỌC 3	121
KỸ NĂNG VIẾT 1	125
KỸ NĂNG VIẾT 2	130
KỸ NĂNG VIẾT 3	133
NHẬP MÔN DỊCH THUẬT	136
KỸ NĂNG BIÊN DỊCH.....	139
KỸ NĂNG PHIÊN DỊCH	142
CHUYÊN ĐỀ CÁC BÀI THI QUỐC TẾ.....	145
TỔNG QUAN DU LỊCH	149
ĐỊA LÝ DU LỊCH	152
TIẾNG ANH TRONG THUYẾT MINH DU LỊCH.....	157
QUẢN TRỊ VĂN PHÒNG.....	162
THƯ TÍN THƯƠNG MẠI.....	165
THỰC TẾ CHUYÊN MÔN 1	171
THỰC TẾ CHUYÊN MÔN 2.....	173
VĂN HỌC ANH.....	175
VĂN HỌC MỸ	179
MARKETING CĂN BẢN	182
TIẾNG ANH TRONG NHÀ HÀNG KHÁCH SẠN	189
LUẬT KINH DOANH	193
QUẢN TRỊ DU LỊCH	198

THỰC TẬP TỐT NGHIỆP	202
GIAO TIẾP LIÊN VĂN HÓA	204
TIẾNG ANH VĂN PHÒNG	208
NGHIỆP VỤ THƯ KÍ	211

PHẦN 1

MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh có kiến thức tốt về tiếng Anh và sử dụng thành thạo tiếng Anh, có chuyên môn, nghiệp vụ giỏi, có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt, có khả năng thích ứng cao, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp thuộc lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Anh, đáp ứng nhu cầu xã hội.

1.2. Mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra

1.2.1. Yêu cầu về kiến thức

1.2.1.1. Kiến thức chung

- Hiểu và vận dụng được vào thực tiễn hệ thống tri thức khoa học của những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Trang bị tốt kiến thức pháp luật đại cương; nắm vững và thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục trong cả nước và tại Tp. Hồ Chí Minh.

- Hiểu biết và nắm bắt về giáo dục môi trường, dân số, an ninh quốc phòng, an toàn giao thông, quyền lợi và nghĩa vụ công dân.

- Có kiến thức về quản lí và điều hành liên quan đến lĩnh vực được đào tạo.

1.2.2.2. Kiến thức chuyên ngành

- Có trình độ nghiệp vụ và kĩ năng nghề nghiệp đủ để hoạt động và công tác có hiệu quả trong các lĩnh vực hoạt động nghiệp vụ liên quan đến du lịch, khách sạn, nhà hàng, kinh doanh, kinh tế và xã hội, công tác biên – phiên dịch, đáp ứng được yêu cầu của xã hội và nền kinh tế của đất nước trong quá trình hội nhập quốc tế.

- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ Anh, văn hóa, xã hội và văn học Anh – Mỹ.

- Rèn luyện và phát triển các kĩ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) bằng tiếng Anh ở mức độ thành thạo trong các tình huống giao tiếp xã hội và chuyên môn thông thường;

- Đạt chuẩn tiếng Anh theo quy định về chuẩn đầu ra của Bộ Giáo dục và đào tạo; có khả năng sử dụng ở mức độ cơ bản ít nhất một ngoại ngữ phụ: Nga, Hoa, Đức, Pháp, Hàn, Nhật, ...

- Có khả năng sử dụng máy tính và có kiến thức căn bản về tin học phục vụ cho chuyên ngành được đào tạo.

1.2.2. Yêu cầu về kĩ năng

- Có kĩ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lí thuyết và thực tiễn của ngành được đào tạo trong những bối cảnh khác nhau.

- Nắm bắt và vận dụng các kĩ năng xây dựng kế hoạch làm việc, tổ chức các hoạt động làm việc và quản lý cũng như các kiến thức về nghiên cứu ngôn ngữ để tham gia

thực hiện nghiên cứu khoa học hoặc các ứng dụng có liên quan.

- Có kỹ năng làm việc nhóm, viết báo cáo, thảo luận, thuyết trình bằng tiếng Anh.
- Có kỹ năng khai thác, xử lý thông tin và phản biện bằng tiếng Anh.
- Có kỹ năng biên và phiên dịch tiếng Anh.

1.2.3. Yêu cầu về thái độ

- Có hạnh kiểm tốt, chấp hành pháp luật của nhà nước.
- Có ý thức tổ chức kỉ luật lao động cao.
- Có đạo đức nghề nghiệp, tâm huyết với nghề.
- Có tinh thần hợp tác, cầu tiến trong công việc.

1.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Người học sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại các công ty du lịch, thương mại hoặc các công ty đa quốc gia và có khả năng học ở các trình độ cao hơn. Ngoài ra, có thể làm phiên dịch tiếng Anh hoặc những công việc có sử dụng tiếng Anh trong các tổ chức, doanh nghiệp, công ty thương mại.

1.4. Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Có thể học tiếp chương trình thạc sĩ Quản trị kinh doanh, hoặc thạc sĩ Quản trị du lịch và Khách sạn – nhà hàng trong và ngoài nước; có khả năng tự học, tự bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học để nâng cao kiến thức và năng lực của bản thân.

1.5. Các chương trình đã tham khảo

1.5.1. Các chương trình trong nước

- Chương trình của Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Chương trình của Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng.
- Chương trình của Đại học Sư phạm TP.HCM.
- Chương trình của Đại học Hoa Sen.
- Chương trình của Đại học Cần Thơ.

1.5.2. Các chương trình nước ngoài

- Chương trình của University of Canberra (Australia).
- Chương trình của University of Sydney (Australia).

PHẦN 2

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Khái quát chương trình đào tạo

2.1.1. Đối tượng tuyển sinh và thời gian đào tạo

- Đối tượng tuyển sinh: tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương
- Thời gian đào tạo: 04 năm.

2.1.2. Cấu trúc chung của chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ trong chương trình: **160** tín chỉ. Sinh viên phải tích lũy tối thiểu **132** tín chỉ (không kể 03 tín chỉ của môn học Giáo dục thể chất và 08 tín chỉ của môn học Giáo dục quốc phòng - An ninh), trong đó:

- Khối kiến thức chung: **19** tín chỉ (bắt buộc: 12 tín chỉ; tự chọn: 7 tín chỉ);
- Khối kiến thức cơ sở: **22** tín chỉ (bắt buộc: 21 tín chỉ; tự chọn: 2 tín chỉ);
- Khối kiến thức ngành: **75** tín chỉ (bắt buộc: 67 tín chỉ; tự chọn: 8 tín chỉ);
- Khối kiến thức chuyên ngành: **0** tín chỉ (bắt buộc: 0 tín chỉ; 0 tín chỉ)
- Thực tập nghề nghiệp: **06** tín chỉ.
- Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế: **10** tín chỉ

2.1.3. Điều kiện tốt nghiệp

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo theo quy định;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ 2 và tin học do Hiệu trưởng quy định;
- Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính và các điều kiện khác do Hiệu trưởng quy định;
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - An ninh và chứng chỉ Giáo dục thể chất đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và thể dục - thể thao;
- Có đơn gửi Phòng Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

2.2. Khung chương trình đào tạo

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Số tiết					Hệ số học phần	Mã số học phần học trước
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, thực địa	Cộng		
				Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận				
I	Khối kiến thức chung: 19/132 tín chỉ									
	Bắt buộc: 12 / 19 tín chỉ									
1	Những nguyên lí cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	861001	5	75				75	1	
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	861002	2	30				30	1	861001
3	Đường lối cách mạng ĐCSVN	861003	3	45				45	1	861002
4	Pháp luật đại cương	865006	2	30				30	1	
5	Giáo dục thể chất (I)	862101	1				30	30	0.5	
6	Giáo dục thể chất (II)	862102	1				30	30	0.5	862101
7	Giáo dục thể chất (III)	862103	1				30	30	0.5	862101
8	Giáo dục Quốc phòng-An ninh (I)	862106	3	45				45	1	861003
9	Giáo dục Quốc phòng-An ninh (II)	862107	2	30				30	1	
10	Giáo dục Quốc phòng-An ninh (III)	862108	3				45	45	1	
	Tự chọn: 7/19 tín chỉ (SV chọn 1 trong 2 ngoại ngữ)									
11	Tiếng Trung 1	813101	2	30				30	1	
12	Tiếng Trung 2	813002	2	30				30	1	813101
13	Tiếng Trung 3	813003	3	45				45	1	813002
14	Tiếng Pháp 1	813102	2	30				30	1	
15	Tiếng Pháp 2	813103	2	30				30	1	813102
16	Tiếng Pháp 3	813104	3	45				45	1	813103
II	Khối kiến thức cơ sở: 22/132 tín chỉ									
	Bắt buộc: 20/22 tín chỉ									
17	Luyện âm	813020	2	30				30	1	
18	Ngữ âm – âm vị học	813021	2	30				30	1	813020
19	Ngữ pháp	813106	3	45				45	1	
20	Hình thái – Cú pháp học	813301	3	45				45	1	813106
21	Ngữ nghĩa học	813026	2	30				30	1	813301
22	Tiếng Việt thực hành	865001	2	30				30	1	
23	Cơ sở văn hóa Việt Nam	865002	2	30				30	1	
24	Mĩ học	865004	2	30				30	1	
25	Phương pháp nghiên cứu khoa học	868001	2	30				30	1	
	Tự chọn: 2 / 22 tín chỉ									
26	Phân tích điển ngôn	813075	2	30				30	1	813026
27	Ngôn ngữ xã hội học	813076	2	30				30	1	813301
28	Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu	813303	2	30				30	1	
29	Ngữ dụng học	813304	2	30				30	1	813026
30	Ngữ pháp chức năng	813305	2	30				30	1	813106

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Số tiết					Hệ số học phần	Mã số học phần học trước
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, thực địa	Cộng		
				Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận				
31	Thường thức âm nhạc	813302	2	30				30	1	
III	Khối kiến thức ngành: 75 / 132 tín chỉ									
	Bắt buộc: 67 / 75 tín chỉ									
32	Đất nước học Anh	813054	2	30				30	1	813062
33	Đất nước học Mỹ	813055	2	30				30	1	813062
34	Kỹ năng Nghe 1	813051	2	30				30	1	
35	Kỹ năng Nghe 2	813056	2	30				30	1	813051
36	Kỹ năng Nghe 3	813306	2	30				30	1	813056
37	Kỹ năng Nói 1	813059	2	30				30	1	
38	Kỹ năng Nói 2	813060	2	30				30	1	813059
39	Kỹ năng Nói 3	813307	3	45				45	1	813060
40	Kỹ năng Đọc 1	813062	2	30				30	1	
41	Kỹ năng Đọc 2	813063	2	30				30	1	813062
42	Kỹ năng Đọc 3	813308	2	30				30	1	813063
43	Kỹ năng Viết 1	813064	3	45				45	1	
44	Kỹ năng Viết 2	813065	3	45				45	1	813064
45	Kỹ năng Viết 3	813066	3	45				45	1	813065
46	Nhập môn dịch thuật	813309	3	45				45	1	
47	Kỹ năng Biên dịch	813310	3	45				45	1	813309
48	Kỹ năng Phiên dịch	813078	3	45				45	1	813309
49	Chuyên đề các bài thi quốc tế	813311	3	45				45	1	
50	Tổng quan du lịch	838301	3	45				45	1	813063
51	Địa lý du lịch	838302	4	60				60	1	813060
52	Tiếng Anh trong thuyết minh du lịch	838303	3	45				45	1	813060
53	Quản trị văn phòng	838105	2	30				30	1	
54	Quản trị học	867004	4	60				60	1	
55	Thư tín thương mại	838304	3	45				45	1	813064
56	Thực tế chuyên môn 1	838305	2							
57	Thực tế chuyên môn 2	838111	2							838305
	Tự chọn: 8 / 75 tín chỉ									
58	Văn học Anh	813050	2	30				30	1	813054
59	Văn học Mỹ	813053	2	30				30	1	813055
60	Marketing căn bản	838306	3	45				45	1	
61	Quản trị nhân lực	867005	3	45				45	1	
62	Tiếng Anh trong nhà hàng khách sạn	838307	3	45				45	1	
63	Luật kinh doanh	838004	3	45				45	1	865006

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Số tiết					Hệ số học phần	Mã số học phần học trước
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, thực địa	Cộng		
				Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận				
64	Quản trị du lịch	838074	3	45				45	1	
IV	Khối kiến thức chuyên ngành: 0 / 132 tín chỉ									
	Cơ cấu các học phần của khối kiến thức chuyên ngành được ghi trong mục 2.3									
V	Thực tập: 6/132 tín chỉ									
65	Thực tập tốt nghiệp	838098	6							838111
VI	Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế: 10 / 132 tín chỉ									
66	Khóa luận tốt nghiệp	838099	10							
	Các học phần thay thế KLTN		10							
67	Giao tiếp liên văn hóa	813077	3	45				45	1	813063
68	Nguyên lý kế toán	867002	3	45				45	1	
69	Tiếng Anh văn phòng	838308	2	30				30	1	
70	Nghiệp vụ thư ký	838112	2	30				30	1	
	Tổng cộng số tín chỉ tối thiểu phải tích lũy		132 tín chỉ / 160 tín chỉ							

2.3. Cơ cấu các học phần của khối kiến thức chuyên ngành (không có)

2.4. Kế hoạch đào tạo theo tiến độ

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Học kì								
				1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Khối kiến thức chung: 19 / 132 tín chỉ											
	Bắt buộc: 12 / 19 tín chỉ											
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	861001	5	x								
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	861002	2		x							
3	Đường lối cách mạng ĐCSVN	861003	3			x						
4	Pháp luật đại cương	865006	2	x								
5	Giáo dục thể chất (I)	862101	1	x								
6	Giáo dục thể chất (II)	862102	1		x							
7	Giáo dục thể chất (III)	862103	1			x						
8	Giáo dục Quốc phòng-An ninh (I)	862106	3				x					
9	Giáo dục Quốc phòng-An ninh (II)	862107	2		x							
10	Giáo dục Quốc phòng-An ninh (III)	862108	3			x						
	Tự chọn: 07 / 19 tín chỉ											
11	Tiếng Trung 1	813101	2		x							
12	Tiếng Trung 2	813002	2			x						
13	Tiếng Trung 3	813003	3				x					
14	Tiếng Pháp 1	813102	2		x							
15	Tiếng Pháp 2	813103	2			x						
16	Tiếng Pháp 3	813104	3				x					
II	Khối kiến thức cơ sở: 22 / 132 tín chỉ											
	Bắt buộc: 20/22 tín chỉ											

